

FROM: THAI VAN DOAN

ADDRESS:

... 96/92 E NGUYEN KIM

F16 .Q10

HO CHI MINH CITY

VIET NAM

HO CHI MINH CITY OCT 1 . 1985

TO : ASSOCIATION OF VIETNAMESE

POLITICAL PRISONERS

ARLINGTON

VA 22204

USA

gửi thư
cho họ số
bố tôi
sĩ/công
ĐP.
mẫu

Dear Sir,

This is the biodata of myself and my wife. We are former employee of Vietnamese Military service (pre-1975)

I/

Name : THAI VAN DOAN

SEX : MALE

Serial number : 70/153808

Last rank : 1st LIEUTENANT

Unit : 181st ARTILERY BATTALION / 18th DIVISION

Job description : FO and D.L.O

Period of Re-education : 2 years 6 months

II/

Name : NGUYEN NGOC HAI

SEX : FEMALE

Serial number : 232437

Rank : SECOND LIEUTENANT

Unit : PSYWAR GROUP NATIONAL POLICE HEADQUARTERS

Job description : RECEPTIONIST

Period of Re-education : 3 years

FWD:

P.O. Box 5435
Arl VA 22205

22205
~~A~~

irN

ASS 55 231225N1 11/12/85

RETURN TO SENDER
NO FORWARDING ORDER ON FILE
UNABLE TO FORWARD

TO : ASSOCIATION OF VIETNAM
POLITICAL PRISONERS

ARLINGTON VA 22204
U.S.A.

RED HANDFISH

20c AUSTRALIA

Australia 60c



IV#47,159

Ty Ban Quân Quản
Thị trấn Thủ Đức - Gia Định.

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số 17 /CN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO

Họ và tên thật: Trần Văn BảyTên thường gọi: Trần Văn BảyNgày sinh: 24-4-1928Quê quán: Saigon 5Chỗ ở hiện tại: 94/92 E Nguyễn HuệSaigon 28Số căn cước: 01017808 Cấp bậc: ---Chức vụ công khai: Đầu Tầu Ông Bình chủng: ---Chức vụ bí mật: --- Đơn vị: Đoàn Nhà MáyĐÃ HỌC TẬP VÀ NGÀY TẠO: Đã học 05 buổi

Nghen trái

NIÊN DẠNG : Cao 1m 60cm Nặng 50kg

Lưu riêng 100% (Mức 100%)

Quê: Một xã

Sài Gòn ngày 08 tháng 8 năm 1975

TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN

Ban An Ninh Nội Chính

Chiem

CAO ĐANG CHIÊM

Nghen phải

- CHÚ Ý :
- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

THAI VINH ĐOÀN
96/92E NGUYEN KIM
P. 16 . Q. 10
HO CHI MINH CITY
VN

SÀI GÒN FEB 18. 1986

Kính thưa Quý Hội, ^{ODP in}

Đi hàng lối đầu tiên vợ chồng chúng tôi kính
chúc Quý Hội một năm mới Bình An những lời
chúc tốt đẹp nhất.

Cảm ơn quý hội đã nghĩ tới vợ chồng tôi
cũng như tất cả các bạn PP còn ở lại với vòng
đời đó này.

Sau đây chúng tôi thông báo quý hội một
vài chi tiết về lý lịch vợ chồng tôi.

* Thông qua Hội World Relief chúng tôi đã
được Bangkok cho IV # 47.159. Vì vậy, chúng
tôi đã bỏ tất cả hồ sơ như: khai sinh, hôn thú,
bình ảnh, giấy tờ chứng minh phục vụ cho chính phủ VNCH
từ tháng 3/1985. Và cho đến nay, gần 1 năm trôi
qua, chúng tôi chưa nhận được THƯ GỬI THIÊU
(Letter of Introduction) của Sĩ quan Hoa Kỳ tại
Bangkok để làm thủ tục xuất cảnh, vì ở bên
này rất cần giấy này.

Nay, kính nhờ Quý Hội can thiệp với Bangkok
để gia đình tôi sớm có (LAI) Thư này. Hết gia

đình chúng tôi có trong danh sách PP của Quý Hội.

* Vì về đông chúng tôi thì cái tạo ra tới nay không được nhập vào tổ khai gia đình (chỉ tạm trú, chưa được thăng trú). Nên khi sinh ra 2 con, 1 trai 1 gái, phải nuôi nhờ khai sinh của 2 đứa cháu, lý do sau này nếu có làm thủ tục xuất cảnh cũng dễ dàng không gặp rắc rối. Đây là niềm thương hại áp ứ hệ lụy của vô đông Việt, khổ lắm hết sức nên xuất cảnh mà bỏ lại 2 con ruột.

* Riêng có chôn tại họ Trung tá ở quê nhà với trên Xuân Lộc từ tháng 3/1975, tức 1 tháng trước ngày mất nước...

* Nếu được, xin Quý Hội thông báo một vài tin tức để anh em phân khởi do một ngày đoàn tụ.

Trân trọng kính chào quý hội, mong hồi âm.

Hau

- Kèm theo đây thư của
gia đình tôi gửi chị
Khúc Thị Xuân (con chị Thảo)
kính nhờ quý hội chuyển đến.
Đa tạ.

Thái Văn Hoàn
18/88 Nguyễn Ngọc Hai

THAM VẤN ĐOÀN
96/92E NGUYỄN VĂN
P. 46 Q. 10
HO CHI MINH CITY
VNI

SÀIGON FEB 18 - 1986

Kính thưa Quý Hội, ^{ODP in}

Thưa Hội đầu tiên và chúng tôi kính
chúc Quý Hội một năm mới Bình An những lời
chúc tốt đẹp nhất.

Còn do quý hội đã nghĩ đến và chúng tôi
cảm ơn rất cả các bạn PP của D'hai với vâng
đ

HO SO VM

Có lý số 205 -

Còn bỏ vô là dứt

thư qua Úc
cho em ở D'hai
H-13-86

thứ,
'NCH-
hội

(letter of Introduction) của Sĩ quan Hoa Kỳ tại
Bangkok đã làm thủ tục xuất cảnh, vì ở bên
này rất cần giấy này.

May, kính đề Quý Hội can thiệp với Bangkok
để gia đình tôi sớm có (LOI) Thủ này. Thưa gia

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV • 47.159

Date: FEB 18 1986
Ngày: FEB 18 1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukaphum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : THAI VAN DOAN Sex:
Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : FEB 18, 1950 at SAIGON
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 96/92E NGUYEN KIM F16.Q10
HO CHIMINH CITY VIET NAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : SAME ABOVE
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYED

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái chưa kết hôn là những người đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. <u>NGUYEN NGOC HAI</u>	<u>MAR 6, 1951</u>	<u>F.</u>	<u>(M)</u>		<u>WIFE</u>
2. <u>THAI NGUYEN HOANG KY</u>	<u>MAY 5, 1980</u>	<u>M.</u>	<u>(S)</u>		<u>SON</u>
3. <u>THAI THI NGOC PHUNG</u>	<u>MAY 27, 1978</u>	<u>F.</u>	<u>(S)</u>		<u>DAUGHTER</u>
4. <u>THAI VAN DAY</u>	<u>JAN 27, 1928</u>	<u>M.</u>	<u>(M)</u>		<u>FATHER</u>
5. <u>QUACH THI NAM</u>	<u>MAR 24, 1929</u>	<u>F.</u>	<u>(M)</u>		<u>MOTHER</u>
6. <u>THAI HOANG SANG</u>	<u>MAY 9, 1961</u>	<u>M.</u>	<u>(S)</u>		<u>BROTHER</u>
7. <u>THAI THI NGOC XUAN</u>	<u>FEB 8, 1963</u>	<u>F.</u>	<u>(S)</u>		<u>SISTER</u>
8. <u>THAI THI NGOC LOAN</u>	<u>OCT 31, 1964</u>	<u>F.</u>	<u>(S)</u>		<u>SISTER</u>
9. <u>THAI THI NGOC THY</u>	<u>FEB 9, 1970</u>	<u>F.</u>	<u>(S)</u>		<u>SISTER</u>
10.					
11.	<u>PLACE OF BIRTH : ALL AT SAIGON</u>				
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

THAI HOANG MINH

BROTHER

5/40 UNARA ST CAMPSIE

2194 N.S.W. AUSTRALIA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Chú

THAI VAN DAY (LIVING)

2. Mother
Mẹ

QUACH THI NAM (LIVING)

3. Spouse
Vợ/Chồng

NGUYEN NGOC HAI (LIVING)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) THAI THI NGOC PHUNG (L)

(2) THAI NGUYEN HOANG KY (L)

(3) _____

(4) _____

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

6. Siblings

Anh chị em:

(1) THAI HOANG SANG (L)

(2) THAI THI NGOC XUAN (L)

(3) THAI THI NGOC LOAN (L)

(4) THAI THI NGOC THY (L)

(5) THAI VAN DAN (L)

(6) THAI THI NGOC LAN (L)

(7) THAI THI NGOC DUNG (L)

(8) THAI HOANG HOA (L)

(9) THAI HOANG MINH (L) - AT AUSTRALIA

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

P. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: THAI VAN DOAN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1972 Đến 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng 1st LIEUTENANT Serial Number: 70/153808
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : 181st ARTILLERY BATTALION

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : MAJOR NGUYEN TIEN HANH

6. Reason for Separation : ARRESTED TO REEDUCATION
 Lý do nghỉ việc : ARRESTED TO REEDUCATION
7. Names of American Advisor(s): COLONEL RIORDAN CMD ARTY C.O. ADVIS
 Họ tên cố vấn Mỹ : COLONEL RIORDAN CMD ARTY C.O. ADVIS
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Việt-Nam : TRAINING CENTER ARTILLERY DUCMY (NHA-TRAN)
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: DIVISION AWARD Date received: MAY 11 1974
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: DIVISION AWARD Ngày nhận: MAY 11 1974

(NOTE: Please attach any copies of diplomas awards or certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có. Đồng sự có không? Có ☒ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

- Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
- School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
- Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
- Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
- Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

- Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : THAI VAN DOAN
- Time in Reeducation: From: 1975 To: 1978
Thời gian học-tập Từ: _____ Đến: _____
- Still in Reeducation? Yes ☐ No ☒
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có ☐ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

I would like to inform you some more informations of my wife. She is also former employer of Vietnamese military service (pre-1975)

(SEE ATTACHED PAPER)

Signature
Ký tên : han

Date
Ngày: FEB 18 1986

- J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY MY SPOUSE

1. Name of person serving: NGUYEN NGOC HAI Sex: 1
2. Date: From: 1970 To: 1975
3. Last rank: 2nd LIEUTENANT Serial Number: 232437
4. Military Unit: PSYWAR GROUP NATIONAL POLICE HEADQUARTERS
5. Name of Supervisor: GENERAL NGUYEN KHAC BINH
6. Reason for Separation: ARRESTED TO RE-EDUCATION
7. Name of American Advisor: MAJOR RIGORY
8. U.S. Training Courses in Vietnam:

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award: ALL OF HER DOCUMENTATIONS MILITARY WERE DESTROYED BY THE WAR. SO SHE ONLY TWO OLD PHOTOGRAPHS SHOWED THAT MY SPOUSE (NGUYEN NGOC HAI) WAS FORMER SAIGON GOVERNMENT OFFICER.

H. RE-EDUCATION OF MY SPOUSE

1. Name of person in Reeducation: NGUYEN NGOC HAI
2. Time in Reeducation: From: 1975 To: 1978
3. Still in Reeducation: Yes _____ No X

IV # 47,159

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIẢI
TRẠI THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

IV# 47159

Số: 405

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số _____ ngày _____ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 114 ngày 25-04-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hải

Ngày, tháng, năm sinh: 06-03-1951

Quê quán: Sa Đéc

Trú quán: 45 cũ xã Thanh Bình Lý Thường Kiệt Q.Đ. TP. HCM

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thiếu Ủy nhân viên tiến tấn

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 577 Ấp An Thạnh Xã An Nhơn thuộc Huyện, Quận: Châu Thành Tỉnh, thành phố: Đồng Tháp

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 1 năm

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: Từ trại về đến gia đình
(Kèm theo 4 phiếu đồng ký)

Ngày 28 tháng 5 năm 1978

Lấn tay ngón trở phải
của: NGUYỄN NGỌC HẢI

Người được cấp
giấy ký

GIÁM THỊ TRẠI



Nguyễn Ngọc Hải

[Signature]

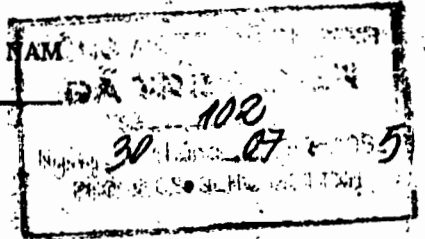
IV# 47.159

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sư đoàn 3
Số: 027/QĐ/3/2

GIẤY RA TRẠI



Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số _____ ngày _____ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 6/QĐ ngày 7/11/77 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Thái Tấn Đoàn

Ngày, tháng, năm sinh: 1950

Quê quán: 94/92E Nguyễn Kim Phưởng 16 quận 10 HCM

Trú quán: _____

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 70/153808

~~Thiếu úy, phụ tá hậu cứ pháo binh~~

Khi về, phải trực tiếp trình bày giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: ấp Long Đức 1 Phước Long thuộc Huyện,

Quận: Cần Giuộc Tỉnh, Thành phố: Long-an

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng

- Thời hạn đi dưỡng: Ba ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi dưỡng đã cấp: _____

(có giấy cấp, phát kèm theo-)



Ngày 23 tháng 1 năm 1972

Bộ TƯ- lệnh

Đại tá: -TRẦN HẢI PHỤNG



TO : KHUÊ THI MINH THỎ
F. VN P.P.A
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
U.S.A

From: TITAI BOANG MINH

5/40 UNARA ST CAMPBELL 2194

N. S. W. AUSTRALIA